

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HS - ST
Ngày: 30 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Danh Văn Hoàng.
- Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Ngô Anh Duy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 30 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Phước H, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1982; tại huyện G, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Kim L; có vợ Lê Thị Hồng H1 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Chưa có hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

2. Bị cáo Trần Minh H2, sinh ngày 29 tháng 7 năm 1989; tại huyện G, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh Đ và bà Nguyễn Thị T; có vợ Huỳnh Thị Xuân H3 và 02 người con; Tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Chưa có hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

3. Bị cáo Lê Hồng P1, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1982; tại huyện V, tỉnh

Long An; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị M; có vợ Trần Thị Lệ H4 và 03 người con; Tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Chưa có hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt)

4. Bị cáo Phạm Văn H5, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1975; tại huyện V, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm N và bà Trần Thị C; có vợ Võ Thị Kim T1 và 01 người con; Tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Chưa có hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt)

5. Bị cáo Nguyễn Tấn P2, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1984; tại huyện G, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành L1 và bà Nguyễn Thị V; có vợ Trương Thị Thùy H6 và 02 người con; Tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Chưa có hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Văn X, sinh năm: 1953. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Long An (có mặt).

2. Ông Nguyễn Phúc L2, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3. Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: Khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Ấp G, xã V, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

5. Ông Trần Quốc N1, sinh năm: 1974. Nơi cư trú: Ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

6. Ông Lê Quang C1; địa chỉ: Số nhà A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phước H, sinh năm 1982 và Trần Minh H2, sinh năm 1989, cùng cư trú ở xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, rủ nhau góp tiền mua máy gặt đập liên hợp (máy cắt lúa) đã qua sử dụng, để về gặt lúa thuê. Ngày 21/6/2024, H thuê xe ô tô 7 chỗ biển số 63A-019.21 (do Trần Quốc N1 là chủ sở hữu) tự lái, chở H2 cùng với Nguyễn Tấn P2 đi theo để xem, kiểm tra chất lượng máy và có Nguyễn Phúc L2 cùng đi đến nhà của Lê Hồng P1, sinh năm 1982 tại ấp T, xã T, huyện V

(P và H quen biết nhau) nhờ P1 giới thiệu mua máy gặt đã qua sử dụng. P1 gọi điện thoại cho Phạm Văn H5, sinh năm 1975, do H5 biết tiếng Campuchia và nhờ dẫn sang Campuchia tìm mua máy theo yêu cầu của H, H2. Khoảng 07 giờ ngày 22/6/2024, H5 điều khiển xe mô tô biển số 71K1-7713 đi một mình tới nhà của P1 chở H, P1 điều khiển xe mô tô biển số 62D1-034.87 chở P2, P1 mượn xe mô tô biển số 62D1-164.22 để H2 và L2 cùng đi sang Campuchia qua đường đất gần chốt kiểm soát Biên phòng thuộc ấp T, xã T, huyện V. Sau đó, H5 dẫn cả nhóm tới nhà của người Campuchia tên R, cách đường biên giới khoảng 4-5km. Tại nhà R có 02 chiếc máy gặt đang cần bán, P2 xem, kiểm tra chất lượng máy và chọn mua 01 máy gặt đập liên hợp hiệu Kubota DC70 Plus, số máy: V2403-BGE3446, số khung: DC-70H506971, đã qua sử dụng, người bán báo giá 150.000.000 đồng. Hiệp thương lượng thống nhất giá 147.000.000 đồng, H2 đặt cọc 20.000.000 đồng, R vận chuyển máy gặt ra đường tuần tra biên giới (phần đất của Việt Nam) bàn giao máy và nhận số tiền còn lại. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, R gọi điện thoại cho Hải báo đã chạy máy gặt liên hợp tới đường tuần tra biên giới, H5 gọi điện thông báo cho P1, đồng thời đến điểm nhận. P1 gọi điện thoại thuê xe ô tô tải biển số 62H-037.15 (do Nguyễn Văn T2 là chủ sở hữu, T2 thuê Nguyễn Quốc D làm tài xế) để vận chuyển máy gặt liên hợp về tỉnh Tiền Giang cho H, H2. P1 kêu con trai là Lê Hồng T3, sinh năm 2006 lấy xe mô tô chở đến chỗ nhận máy gặt. Sau đó, Trường quay lại chở H2 đến nhận máy gặt và trả tiền cho ông R. H5 điều khiển máy gặt chạy đến trạm xăng. H và H2 trả tiền công cho P1, H5 mỗi người 1.000.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, D điều khiển xe ô tô tải tới, P2 điều khiển đưa máy gặt lên thùng xe ô tô tải, chuẩn bị vận chuyển đi thì bị lực lượng Công an huyện V kiểm tra phát hiện lúc 19 giờ 15 phút cùng ngày.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 131/KL-HĐĐG ngày 01/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện V xác định giá trị của 01 máy gặt đập liên hợp hiệu Kubota DC70 Plus (năm sản xuất 2016), số máy: V2403-BGE3446, số khung: DC-70H506971, đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 22/6/2024 là 150.000.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V tạm giữ những đồ vật, tài liệu liên quan gồm:

- 01 máy gặt đập liên hợp nhãn hiệu Kubota DC70 Plus, số máy: V2403-BGE3446, số khung: DC-70H506971, đã qua sử dụng là vật chứng vụ án.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Pro, màu xanh bạc, số sê-ri: R58JA0T9K0D, đã qua sử dụng, gắn sim số 0393.575.281 và số 0937.582.449 (điện thoại của P1 dùng liên lạc phạm tội);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI: 350391251041868/350391251041866, đã qua sử dụng (điện thoại H5 dùng liên lạc phạm tội);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11, màu đen, số sê-ri: FFWL14G1N73D, đã qua sử dụng, gắn sim số 0979.993.173 (điện thoại của H dùng liên lạc phạm tội);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno11 5G, màu xám đen,

số sê-ri: RGMBRORK5PZLHEZH, đã qua sử dụng, gắn sim số 0964.897.461 (của Trần Minh H2);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A12, màu đen, số sê-ri: R58R918MPPF, đã qua sử dụng, gắn sim số 0366.145.401 (của Nguyễn Tấn P2);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu itel, màu đen, số IMEI: 358408137039288/358408137039296 (của Nguyễn Phúc L2);

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại WAVES, màu đen bạc, biển số 62D1-034.87, số máy: C52E-4294954, số khung: 218CY-207241; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đỏ đen bạc, biển số 62D1-164.22, số máy: JA39E1073849, số khung: 3917KY215393 (hai xe mô tô P1 sử dụng để phạm tội);

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu LEVER, số loại C100, màu đen, biển số 71K1-7713, số máy: FMG-50100813, số khung: 00YDY-100813 (xe mô tô H5 sử dụng để phạm tội);

- 01 (một) xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU, số loại NQR75M, màu xanh, biển số 62H-037.15, số máy: 4HK1491411, số khung: RLEN1R75MG7100279; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 62000439, tên chủ xe: Nguyễn Văn T2, xe ô tô biển số 62H-037.15.

- 01 xe (một) ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại INOVA, màu ghi xám, biển số 63A-019.21, số máy: 1TR7625729, số khung: RL4XW42G2D; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005118, tên chủ xe Trần Quốc N1, xe ô tô biển số 63A-019.21.

- Tiền Việt Nam 2.000.000 đồng.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024 Cơ quan điều tra đã xử lý đồ vật, tài liệu tạm giữ:

- Trả lại cho ông Trần Quốc N1 01 xe (một) ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại INOVA, màu ghi xám, biển số 63A-019.21, số máy: 1TR7625729, số khung: RL4XW42G2D; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005118, tên chủ xe Trần Quốc N1, xe ô tô biển số 63A-019.21, do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, không phải là vật chứng của vụ án.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 Cơ quan điều tra đã xử lý đồ vật, tài liệu tạm giữ:

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu itel, màu đen, số IMEI: 358408137039288/358408137039296 cho Nguyễn Phúc L2 do không liên quan đến vụ án.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn T2 01 (một) xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU, số loại NQR75M, màu xanh, biển số 62H-037.15, số máy: 4HK1491411, số khung: RLEN1R75MG7100279 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số:

62000439, do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, không phải là vật chứng của vụ án.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V khởi tố vụ án, khởi tố các bị can đối với Nguyễn Phước H, Trần Minh H2, Lê Hồng P1, Phạm Văn H5, Nguyễn Tấn P2 về tội “*Buôn lậu*” quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKSVH ngày 28/11/2024 và thông báo đình chính bản Cáo trạng ngày 22/12/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Phước H, Trần Minh H2, Lê Hồng P1, Phạm Văn H5, Nguyễn Tấn P2 về tội “*Buôn lậu*” quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Phước H, Trần Minh H2, Lê Hồng P1, Phạm Văn H5, Nguyễn Tấn P2 khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng đã nêu; các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn X trình bày: Ông có mua chiếc xe mô tô biển số 62D1-164.22 để sử dụng, ngày 22/6/2024 có cho con ruột Lê Hồng P1 mượn sử dụng, không biết P1 có hành vi vi phạm pháp luật. Nay yêu cầu được nhận lại chiếc xe.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phúc L2 trình bày: Có quen biết anh H, anh H2, anh P2, có nghe anh H đi V mua máy nên xin đi theo chơi, rồi có đi qua nước Campuchia với anh H, anh P1 và nhiều người khác, nhưng không ý kiến hay giúp sức cho những người này, việc anh P1, anh H, anh H2 thỏa thuận mua bán như thế nào thì anh không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Khoảng 17 giờ 30 anh Dương Văn Q tài xế xe cầu có điện thoại nói “ xe em có rãnh, chở máy cắt đi từ V về Long An” và thông báo số tiền là 3.200.000 đồng, anh T2 đồng ý thì anh Q cho số điện thoại để liên lạc. Do bận việc nên thuê anh Nguyễn Quốc D điều khiển và anh T2 nói địa điểm và nhắn tin số điện thoại để anh D liên lạc. Đến 20 giờ cùng ngày thì anh D thông báo xe bị Công an huyện V tạm giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc D trình bày: Khoảng 18 giờ ngày 22/2/2024 ông Nguyễn Văn T2, là chủ xe tải biển số 62H-037.15 gọi điện thoại để thuê anh điều khiển xe tải đi vận chuyển thuê 01 máy gặt đập liên hợp từ cây xăng xã T về khỏi thành phố T hơn 20km thì anh nhận lời. Đến khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày xuất phát, khi đến nơi, thì anh thấy có chiếc máy gặt đập liên hợp, có người gọi cho anh lùi xe tải vào để xe máy cắt lên, anh bắt cầu thang cho xe máy cắt lên, rồi cột dây, chuẩn bị chạy xe đi thì bị Công an giữ lại, anh chỉ lái xe thuê, không biết máy gặt đập liên hợp nguồn gốc như thế nào và anh khẳng định không liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc N1 trình bày: Khoảng 18 giờ 30 ngày 20/6/2024 anh Nguyễn Phước H có đến mượn xe đi công việc, do anh H là tài xế lái xe thuê cho gia đình, nên ông có cho anh H mượn 01

xe 7 chỗ, hiệu INOVA, nhưng không có hỏi đi đâu, làm gì. Sau đó, anh H có thông báo xe bị Công an huyện V tạm giữ. Nay đã nhận lại xe, không có ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Phước H, Trần Minh H2, Lê Hồng P1, Phạm Văn H5, Nguyễn Tấn P2 về tội “*Buôn lậu*” theo quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phước H, Trần Minh H2, Lê Hồng P1, Phạm Văn H5, Nguyễn Tấn P2 phạm tội “*Buôn lậu*”.

+ Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 188, các Điều 17, 35, 50, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước H, Trần Minh H2 từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng về tội “*Buôn lậu*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 188, các Điều 17, 35, 50, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Tấn P2 từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng về tội “*Buôn lậu*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 188, các Điều 17, 38, 50, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H5 từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội “*Buôn lậu*”;

Xử phạt bị cáo Lê Hồng P1 từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội “*Buôn lậu*”.

+ Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 188 Bộ luật Hình sự, thì các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nhưng do các bị cáo H, H2, P2 được áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, bị cáo P1 đi làm thuê, có thu nhập không ổn định, bị cáo H5 là gia đình thuộc diện cận nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

+ Về phần xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước toàn bộ tài sản của các bị cáo phạm tội “*Buôn lậu*” và các công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội, số tiền của các bị cáo thu lợi từ việc phạm tội. Trả lại tài sản không liên quan đến việc phạm tội.

Các bị cáo H, bị cáo H2, bị cáo P2 tự bào chữa thống nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt tiền; các bị cáo P1, bị cáo H5 cho rằng kinh tế gia đình khó khăn nên thống nhất về phạt tù, nhưng xin được hưởng án treo theo đề nghị của Kiểm sát viên; các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Phước H, bị cáo Trần Minh H2, bị cáo Lê Hồng P1, bị cáo Phạm Văn H5, bị cáo Nguyễn Tấn P2 tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh huyện Vĩnh Hưng truy tố, phù hợp với các tài liệu, tang vật của vụ án và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Ngày 22/6/2024, Nguyễn Phước H, Trần Minh H2 được Lê Hồng P1, Phạm Văn H5 giới thiệu, đưa sang Campuchia qua đường đất đoạn gần chốt kiểm soát Biên phòng, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V để mua 01 máy gặt đập liên hợp hiệu Kubota DC70 Plus trị giá 150.000.000 đồng của 01 người Campuchia chưa rõ lai lịch. Khi H và H2 sang Campuchia mua máy có Nguyễn Tấn P2 đi cùng để xem, kiểm tra chất lượng máy cho H, H2. Đến khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày, tại đường liên xã T - H, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, khi H, H2 chuẩn bị vận chuyển máy gặt đập liên hợp về tỉnh Tiền Giang thì bị Công an huyện V phát hiện, lập biên bản.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 131/KL-HĐĐG ngày 01/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện V xác định giá trị của 01 máy gặt đập liên hợp hiệu Kubota DC70 Plus (năm sản xuất 2016), số máy: V2403-BGE3446, số khung: DC-70H506971, đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 22/6/2024 là 150.000.000 đồng. Như vậy, tài sản của các bị cáo mua bán qua biên giới đủ định lượng cấu thành tội “Buôn lậu”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 188 của Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, hàng hóa, những quy định về xuất, nhập khẩu dẫn đến hậu quả Nhà nước không kiểm soát được hàng hóa nhập khẩu, gây thất thoát về thuế xuất nhập khẩu, làm ảnh hưởng đến giá cả thị trường trong nước và ảnh hưởng đến người tiêu dùng về chất lượng hàng hóa, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an của xã hội tại địa phương.

[4] Về vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm, nhưng các bị cáo không có bàn bạc phân công nên chỉ là đồng phạm giản đơn, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, trong đó Nguyễn Phước H, Trần Minh H2 là người đi mua máy cắt, được Lê Hồng P1, Phạm Văn H5, Nguyễn Tấn P2 giúp sức. Để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo thì cần xem xét, tính chất mức độ nguy hiểm cũng như nhân

thân của từng bị cáo.

[4.1] Bị cáo Nguyễn Phước H rủ bị cáo Trần Minh H2 góp tiền hùn vốn để mua 01 máy gặt đập liên hợp đã qua sử dụng về đi cắt lúa thuê, rủ Nguyễn Tấn P2 đi theo để kiểm tra máy. Do có quen biết Lê Hồng P1 ở xã T nên H thuê xe đi, rồi được P1 giới thiệu với Phạm Văn H5, được hướng dẫn sang Campuchia mua đem về Việt Nam. Như vậy, bị cáo H và bị cáo H2 đã có hành vi mua bán hàng hóa qua biên giới nên cần thiết phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội đối với các bị cáo H, H2 thì mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Về nhân thân của các bị cáo H, bị cáo H2 chưa có tiền án, tiền sự; chưa có hành vi vi phạm pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H, bị cáo H2 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[4.2] Bị cáo Nguyễn Tấn P2 khi được bị cáo H rủ đi theo để kiểm tra máy trước khi mua thì nhận lời giúp, nhưng bị cáo không hưởng lợi vật chất từ việc này. Đối với bị cáo P1 khi được bị cáo H2, bị cáo H gợi ý mua máy đã qua sử dụng thì liên hệ với Phạm Văn H5, do H5 lái máy gặt đập liên hợp thuê cho người bên Campuchia và biết tiếng Campuchia thì H5 nhận lời. Bị cáo H5, bị cáo P1 được trả tiền công mỗi người là 1.000.000 đồng. Như vậy, các bị cáo P2, bị cáo H5, bị cáo P1 đã giúp sức cho bị cáo H, bị cáo H2 thực hiện hành vi mua bán hàng hóa qua biên giới nên cần thiết phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội đối với các bị cáo P2, bị cáo H5, bị cáo P1 thì mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, nhân thân của bị cáo Nguyễn Tấn P2, bị cáo Phạm Văn H5, bị cáo Lê Hồng P1 chưa có tiền án, tiền sự; chưa có hành vi vi phạm pháp luật, sau khi phạm tội thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã nộp lại số tiền thu lợi từ việc phạm tội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[6] Xét thấy các bị cáo Nguyễn Phước H, bị cáo Trần Minh H2, bị cáo Nguyễn Tấn P2 khai tại phiên tòa đều có thu nhập và thống nhất hình phạt là hình phạt tiền; bị cáo Lê Hồng P1, bị cáo Phạm Văn H5 khai gia đình thuộc diện kinh tế khó khăn nên đồng ý mức hình phạt của Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo Nguyễn Phước H, bị cáo Trần Minh H2, bị cáo Nguyễn Tấn P2, được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính; bị cáo P1 có nghề nghiệp làm thuê, thu nhập không ổn định; bị cáo H5 thuộc diện gia đình cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 188 Bộ luật Hình sự.

[8] Về vấn đề liên quan đến vụ án:

[8.1] Đối với Nguyễn Phúc L2 đi cùng các bị cáo sang Campuchia nhưng L2 chỉ đi theo chơi, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L2 về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định. Nay không đề cập đến.

[8.2] Đối với Nguyễn Văn T2, là chủ sở hữu xe ô tô tải biển số 62H- 037.15 và Nguyễn Quốc D là tài xế điều khiển xe ô tô này để vận chuyển máy gặt đập liên hợp cho các bị cáo H, H2, nhưng ông T2, D không biết máy gặt này các bị cáo mua từ Campuchia về không có giấy tờ, thủ tục hải quan theo quy định. Mặt khác, P1 thuê để vận chuyển máy gặt từ trạm xăng đến huyện G, tỉnh Tiền Giang nên không xem xét trách nhiệm của T2, D.

[8.3] Đối với Lê Hồng T3 có hành vi chở Lê Hồng P1, Trần Minh H2 ra đoạn đường tuần tra biên giới để nhận máy gặt và thanh toán tiền. T3 là con của P1, khi đi P1 chỉ đường cho T3 đi, P1 không nói đi đâu, làm gì, T3 cũng không biết việc các bị cáo mua bán hàng hóa qua biên giới nên không xem xét trách nhiệm đối với T3.

[8.4] Đối với người đàn ông tên R bán máy gặt đập liên hợp cho H, H2 là người Campuchia không có tên tuổi, địa chỉ cụ thể, nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

[8.5] Đối với các tài sản không liên quan, được cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý, trả cho chủ sở hữu. Nay không đề cập đến.

[8.6] Bị cáo H5 khai đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu LEVER, số loại C100, màu đen, biển số 71K1-7713, số máy: FMG-50100813, số khung: 00YDY-100813 của ông Lê Quang C1, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Sau này có tranh chấp về sở hữu tài sản được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[9] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 máy gặt đập liên hợp nhãn hiệu Kubota DC70 Plus, số máy: V2403-BGE3446, số khung: DC-70H506971, đã qua sử dụng và các điện thoại của các bị cáo sử dụng để liên lạc nhau và các chiếc xe mô tô của P1, H5 dùng làm phương tiện để phạm tội, cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng của P1, H5 được trả công. Đây là số tiền do phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Trả lại tài sản không liên quan đến việc phạm tội.

[10] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; bị cáo H5

thuộc diện cận nghèo nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phước H, Trần Minh H2, Lê Hồng P1, Phạm Văn H5, Nguyễn Tấn P2 phạm tội “*Buôn lậu*”.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 188; Điều 17, 35, 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước H số tiền 70.000.000 đồng.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 188; Điều 17, 35, 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Minh H2 số tiền 70.000.000 đồng.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 188; Điều 17, 35, 50, điểm i, s khoản 1, Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P2 số tiền 50.000.000 đồng.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 188; Điều 17, 38, 50, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H5 06 (*sáu*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (*một*) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn H5 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 188; Điều 17, 38, 50, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hồng P1 06 (*sáu*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (*một*) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Hồng P1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải

chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

7. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là tài sản của các bị cáo mua bán hàng hóa qua biên giới và các tài sản liên quan đến tội phạm, gồm:

- 01 máy gặt đập liên hợp nhãn hiệu Kubota DC70 Plus, số máy: V2403-BGE3446, số khung: DC-70H506971, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Pro, màu xanh bạc, số sê-ri: R58JA0T9K0D, đã qua sử dụng, gắn sim số 0393.575.281 và số 0937.582.449 của bị cáo P1.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI: 350391251041868/350391251041866, đã qua sử dụng, của bị cáo H5.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, số sê-ri: FFWL14G1N73D, đã qua sử dụng, gắn sim số 0979.993.173 của bị cáo H.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại WAVES, màu đen bạc, biển số 62D1-034.87, số máy: C52E-4294954, số khung: 218CY-207241 của bị cáo P1

- 01 xe mô tô nhãn hiệu LEVER, số loại C100, màu đen, biển số 71K1-7713, số máy: FMG-50100813, số khung: 00YDY-100813 của bị cáo H5.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 của các bị cáo P1, H5 đã thu lợi từ việc phạm tội.

+ Trả lại cho ông Lê Văn X 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đỏ đen bạc, biển số 62D1-164.22, số máy: JA39E1073849, số khung: 3917KY215393.

+ Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A12, màu đen, số sê-ri: R58R918MPPF, đã qua sử dụng, gắn sim số 0366.145.401 cho bị cáo P2.

+ Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 115G, màu xám đen, số sê-ri: RGMBRORK5PZLHEZH, đã qua sử dụng, gắn sim số 0964.897.461 của bị cáo H2.

(Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự đang quản lý)

8. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Các bị cáo Nguyễn Phước H, Trần Minh H2, Nguyễn Tấn P2, Lê Hồng P1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Văn H5 được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/Huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Long An
- Chi cục THA DS huyện;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hựu